

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

NGUYỄN THANH DUNG

**PHÂN TÍCH LỢI THẾ SO SÁNH
HÀNG NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM
SANG THỊ TRƯỜNG EU**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ**

THÁI NGUYÊN – 2015

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

NGUYỄN THANH DUNG

**PHÂN TÍCH LỢI THẾ SO SÁNH
HÀNG NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM
SANG THỊ TRƯỜNG EU**

**Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 60 34 04 10**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. MAI NGỌC CƯỜNG

THÁI NGUYÊN – 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là nội dung nghiên cứu do tôi thực hiện. Các số liệu, kết luận nghiên cứu trình bày trong luận văn này chưa hề được công bố ở các nghiên cứu khác.

Tôi xin chịu trách nhiệm về các kết quả và nghiên cứu trong luận văn!

Học viên

Nguyễn Thanh Dung

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến GS.TS Mai Ngọc Cường đã tận tình hướng dẫn tôi trong suốt quá trình thực hiện. Tôi xin chân thành cảm ơn Phòng Đào tạo - Trường ĐH Kinh tế và QTKD đã tạo mọi điều kiện để tôi hoàn thành khoá học và trình bày luận văn này. Tôi xin gửi lời cảm ơn đến các đồng nghiệp đã chia sẻ nhiều tư liệu và kinh nghiệm quý báu liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận văn.

Xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	vii
MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Ý nghĩa khoa học của đề tài	3
5. Bố cục của luận văn	4
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ LỢI THẾ SO SÁNH	5
1.1. Một số vấn đề lý luận về lợi thế so sánh trong xuất khẩu hàng nông sản.....	5
1.1.1. Xuất khẩu: Khái niệm và vai trò	5
1.1.2. Các lý thuyết về lợi thế so sánh	6
1.1.3. Hàng nông sản và các loại hàng nông sản xuất khẩu.....	16
1.1.4. Nội dung phân tích lợi thế so sánh trong xuất khẩu hàng nông sản..	18
1.2. Nhân tố ảnh hưởng đến lợi thế so sánh hàng nông sản xuất khẩu.....	20
1.2.1. Nhân tố thuộc về sản xuất:	20
1.2.2. Các nhân tố thuộc về tổ chức hoạt động xuất khẩu	25
1.2.3. Nhân tố thuộc về nhà nước:	29
1.2.4. Nhân tố quốc tế	30
1.3. Kinh nghiệm thực tiễn về phát huy lợi thế so sánh trong xuất khẩu hàng nông sản của một số nước và bài học cho Việt Nam.....	30
1.3.1. Kinh nghiệm của một số nước	30
1.3.2. Bài học cho Việt Nam.....	35

Chương 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	38
2.1. Câu hỏi nghiên cứu	38
2.2. Phương pháp nghiên cứu.....	38
2.2.1. Khung phân tích của luận văn.....	38
2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu.....	38
2.2.3. Phương pháp tổng hợp, xử lý số liệu	39
2.2.4. Phương pháp phân tích số liệu	39
2.3. Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu.....	41
2.3.1. Đo lường mức độ lợi thế so sánh	41
2.3.2. Đo lường mức độ chuyên môn hóa xuất khẩu	42
2.3.3. Phân tích tính ổn định trong cơ cấu lợi thế so sánh tổng thể.....	43
2.3.4. Tính ổn định trong cơ cấu lợi thế so sánh giữa các ngành và trong nội bộ từng ngành.....	46
Chương 3: PHÂN TÍCH LỢI THẾ SO SÁNH HÀNG NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU	49
3.1. Giới thiệu về thị trường EU	49
3.1.1. Lịch sử ra đời của EU	49
3.1.2. Sơ lược về thị trường EU	50
3.2. Tổng quan về xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU	56
3.3. Phân tích lợi thế so sánh hàng nông sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU	58
3.3.1. Kết quả về chỉ số RCA của Việt Nam	58
3.3.2. Mức độ chuyên môn hóa xuất khẩu của Việt Nam.....	67
3.3.3. Sự chuyển biến trong cơ cấu lợi thế so sánh hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU	68
3.4. Đánh giá về lợi thế so sánh hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU.....	74

3.4.1. Những điểm mạnh và yếu về lợi thế so sánh hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU	75
3.4.2. Nguyên nhân yếu kém.....	77
Chương 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO LỢI THẾ SO SÁNH HÀNG NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU	78
4.1. Triển vọng xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam sang thị trường EU những năm tới	78
4.1.1. Quan điểm và định hướng của Đảng và Nhà nước về xuất khẩu hàng nông sản những năm tới.....	78
4.1.2. Dự báo nhu cầu hàng nông sản nhập khẩu của thị trường EU những năm tới	79
4.2. Phương hướng nâng cao lợi thế so sánh hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU những năm tới.....	82
4.3. Những giải pháp chủ yếu để phát huy lợi thế so sánh hàng nông sản của Việt Nam.....	85
4.3.1. Nhóm giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU	85
4.3.2. Nhóm giải pháp tăng cường tổ chức hoạt động xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU	88
4.3.3. Tăng cường sự hỗ trợ của nhà nước cho xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU.....	91
4.3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam sang thị trường EU	93
4.4. Kiến nghị.....	95
KẾT LUẬN.....	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	100

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa
EU (European Union)	Liên minh Châu Âu
HĐBA LHQ	Hội đồng bảo an Liên hợp quốc
KH-CN	Khoa học - công nghệ
LTSS	Lợi thế so sánh
LLSX	Lực lượng sản xuất
NNL	Nguồn nhân lực
UNSD	Cơ sở dữ liệu về hàng hóa thương mại của Liên Hợp Quốc
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
SITC	Tiêu chuẩn phân loại thương mại quốc tế

DANH MỤC CÁC BẢNG

Sơ đồ 2.1. Khung phân tích của luận văn	38
Bảng 3.1: Các thông số của EU năm 2013	52
Bảng 3.2: Cán cân thương mại của EU.....	55
Bảng 3.3: Kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU	56
Bảng 3.4: Cơ cấu xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU .	57
Bảng 3.5: Kết quả chỉ số RCA hàng nông sản của Việt Nam	60
Bảng 3.6: Tần suất phân phối của chỉ số RCA của Việt Nam.....	64
Bảng 3.7: Tỷ lệ sản phẩm có chỉ số RCA lớn hơn 1 phân theo 4 nhóm.....	64
Bảng 3.8: 10 nhóm hàng nông sản có lợi thế so sánh cao nhất của Việt Nam trong giai đoạn 2000-2001 và 2012-2013.....	66
Bảng 3.9: Hệ số GINI	67
Bảng 3.10: Kết quả mô hình hồi quy Galtonian	68
Bảng 3.11A: Ma trận xác suất chuyển đổi qua 2 GD 2000-2001, 2002-2003 .	69
Bảng 3.11B: Ma trận xác suất chuyển đổi qua 2 GD 2002-2003, 2004-2005..	71
Bảng 3.11C: Ma trận xác suất chuyển đổi qua 2 GD 2004-2005, 2006-2007..	71
Bảng 3.11D: Ma trận xác suất chuyển đổi qua 2 GD 2006-2007, 2008-2009 .	72
Bảng 3.11E: Ma trận xác suất chuyển đổi qua 2 GD 2008-2009, 2010-2011 ..	72
Bảng 3.11F: Ma trận xác suất chuyển đổi qua 2 GD 2010-2011, 2012-2013	72
Bảng 3.11G: Ma trận xác suất chuyển đổi qua 2 GD 2000-2001, 2012-2013 .	73
Bảng 3.12: Chỉ số đánh giá mức độ di động trong cơ cấu chuyên môn hóa ..	74

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, xuất khẩu của Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần không nhỏ vào sự phát triển của đất nước. Xuất khẩu tăng trưởng với nhịp độ bình quân khá cao về kim ngạch, đa dạng và phong phú về mặt hàng. Thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng và đã trở thành một trong những động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế, xã hội như giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo.

Năm 2012, mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước có rất nhiều khó khăn, nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 114,57 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm 2011 và gấp 3,5 lần năm 2005. Kim ngạch xuất khẩu/GDP đạt khoảng 81,7%, cao hơn mức kỷ lục 80,8% của năm 2011. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu cao hơn tốc độ tăng GDP (lên đến 3,6 lần). Xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam năm 2013 đạt 132,13 tỷ USD, tăng 15,3% so với năm trước đó tương ứng tăng 17,61 tỷ USD. Tỷ lệ xuất khẩu/GDP và hệ số tốc độ tăng trưởng đạt cao như trên cho thấy, xuất khẩu là lối ra, là động lực tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế. Trong đó, xuất khẩu hàng nông sản đóng góp một phần không nhỏ.

Năm 2015 đánh dấu lễ kỷ niệm lần thứ 25 mối quan hệ ngoại giao giữa Liên Minh Châu Âu (EU) và Việt Nam. Quan hệ ngoại giao đã được thiết lập vào tháng 10 năm 1990. Phái Đoàn Liên Minh Châu Âu tại Việt Nam đã chính thức đi vào hoạt động từ năm 1996. Theo số liệu của Tổng cục Hải Quan cho thấy, EU đã vươn lên trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 20,31 tỷ USD năm 2012, tăng 22,7% so với cùng kỳ và chiếm 17,7% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả nước. Giá trị nhập khẩu của Việt Nam từ EU đạt 8,79 tỷ USD, tăng 13,48%. Liên Minh châu Âu đã và đang trở thành một đối tác quan trọng, một thị trường rộng lớn, có khả năng

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>